

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 9 năm 2019

ĐIỂM THI

PHẦN V.2: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 45, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lan Anh	1	06	8.0	Tám	
2	Nguyễn Thị Vân Anh	2	05	8.0	Tám	
3	Long Thị Mai Anh	3	04	7.5	Bảy rưỡi	
4	Hồ Sĩ Bách	4	03	7.5	Bảy rưỡi	
5	Nguyễn Việt Bắc	5	02	7.5	Bảy rưỡi	
6	Dương Thành Bầm	6	01	7.5	Bảy rưỡi	
7	Nguyễn Phú Chí	7	07	7.5	Bảy rưỡi	
8	Vũ Thành Công	8	08	7.0	Bảy	
9	Nguyễn Việt Cường	9	09	7.0	Bảy	
10	Nguyễn Thị Hoàng Diệp	10	10	7.5	Bảy rưỡi	
11	Nguyễn Ngọc Doãn	11	11	7.5	Bảy rưỡi	
12	Lã Thị Thúy Dung	12	12	8.0	Tám	
13	Nguyễn Bá Dũng	13	13	7.5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Thùy Dương	14	14	8.0	Tám	
15	Đặng Văn Đa	15	15	7.5	Bảy rưỡi	
16	Bùi Tiến Đạt	16	16	8.0	Tám	
17	Trần Thế Đạt	17	17	7.0	Bảy	
18	Nguyễn Văn Độ	18	18	7.0	Bảy	
19	Cao Thị Hương Giang	19	19	8.0	Tám	
20	Hoàng Thị Thu Hà	20	20	7.5	Bảy rưỡi	
21	Nguyễn Thị Thu Hiền (A-1985)	21	21	8.0	Tám	
22	Dương Hoa Hiền	22	22	8.0	Tám	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Phạm Chí Hiếu	23	23	7.0	Bảy	
24	Nguyễn Thế Hoàng	24	24	7.5	Bảy rưỡi	
25	Dương Thị Bích Hồng	25	25	8.0	Tám	
26	Đoàn Thị Thanh Huệ	26	26	8.0	Tám	
27	Mã Đình Huy	27	27	7.0	Bảy	
28	Dương Khánh Huyền	28	28	7.5	Bảy rưỡi	
29	Nguyễn Thị Thu Huyền (A-1981)	29	29	8.0	Tám	
30	Nguyễn Thị Thu Huyền (B-1983)	30	-	-	-	Vắng thi
31	Nguyễn Quang Khải	31	30	7.0	Bảy	
32	Nguyễn Bạch Hương Lan	32	36	8.0	Tám	
33	Nguyễn Thị Lê	33	64	8.0	Tám	
34	Nguyễn Thùy Linh	34	35	7.0	Bảy	
35	Vũ Thị Diệu Linh	35	34	8.0	Tám	
36	Hà Văn Long	36	33	7.5	Bảy rưỡi	
37	Lê Thị Khánh Ly	37	32	8.0	Tám	
38	Phạm Thị Nga	38	31	7.0	Bảy	
39	Hoàng Thị Diệu Ngọc	39	42	7.0	Bảy	
40	Nguyễn Thị Thanh Nhân	-	-	-	-	Bảo lưu
41	Nguyễn Thị Thu Nhung	40	41	7.0	Bảy	
42	Nguyễn Đức Ninh	41	40	7.0	Bảy	
43	Phạm Văn Nối	42	39	7.0	Bảy	
44	Phùng Thị Kim Oanh	43	38	7.0	Bảy	
45	Ngô Thượng Phương	44	37	7.5	Bảy rưỡi	
46	Đặng Thành Quang	45	48	7.0	Bảy	
47	Dương Thu Quyên	46	47	7.0	Bảy	
48	Hoàng Thị Tâm	47	46	7.0	Bảy	
49	Nguyễn Phúc Tân	48	63	7.5	Bảy rưỡi	
50	Đào Thị Phương Thảo	49	62	7.5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Phương Thảo	50	61	7.0	Bảy	
52	Nguyễn Sinh Thiện	51	45	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Hoàng Thị Thom	52	44	7.0	Bảy	
54	Trần Thu Trang	53	43	8.0	Tám	
55	Nguyễn Hữu Trong	54	54	7.0	Bảy	
56	Trần Đăng Tú	55	53	7.0	Bảy	
57	Đinh Quốc Tuấn	56	52	7.0	Bảy	
58	Lại Anh Tuấn	57	51	7.0	Bảy	
59	Lương Duy Tuyên	58	50	8.0	Tám	
60	Hà Thị Tuyết	59	49	7.5	Bảy rưỡi	
61	Lương Thị Thúy Vân	60	60	7.0	Bảy	
62	Đặng Thị Hồng Vân	61	59	7.0	Bảy	
63	Phạm Đức Việt	62	58	7.5	Bảy rưỡi	
64	Lê Đức Việt	63	57	7.0	Bảy	
65	Lưu Tuấn Việt	64	56	7.0	Bảy	
66	Nông Minh Xuân	65	55	7.5	Bảy rưỡi	
67	Đỗ Thị Hải Yên	66	67	7.5	Bảy rưỡi	
68	Nguyễn Hoàng Yên	67	66	7.0	Bảy	
69	Nguyễn Thái Sơn	68	65	7.0	Bảy	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XĐĐ
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**




Phạm Minh Chuyên